

Cập nhật ngày: 20.09.2026 14:59:55

Xếp hạng sau ván 9

Hạng	Số	Đội	Ván cờ	+	=	-	HS1	HS2	HS3
1	16	Solvay	9	8	1	0	24,5	0	8
2	19	Zumaia	9	8	1	0	24	0	8
3	11	Mikel Gurea	9	7	0	2	21,5	0	7
4	13	Portugalete	9	7	1	1	20	0	7
5	15	Salcedo	9	7	0	2	20	0	7
6	1	Abadiño	9	4	3	2	16,5	0	4
7	14	Riojaque-SAL	9	5	0	4	16	0	5
8	17	Elorrio	9	5	2	2	14	0	5
9	3	Bergara	9	4	0	5	13	0	4
10	7	Egidazu	9	5	0	4	12,5	0	5
11	12	Ortuella	9	3	1	5	12	2	3
12	2	Beraun Bera	9	4	0	5	12	0	4
13	9	Martintxo	9	4	0	5	11,5	0	4
14	4	C. Burlada	9	2	1	6	9,5	0	2
15	18	Zaleak	9	2	0	7	9	0	2
16	6	Deba	9	3	0	6	8	0	3
17	5	Conteneo	9	3	0	6	8	0	3
18	10	Mikel Deuna	9	1	0	8	8	0	1
19	8	Gaztelu Beltza	9	1	0	8	5	2	1
20	20	Zuri Baltza	9	2	0	7	5	0	2

Ghi chú

Hệ số phụ 1: points (game-points)

Hệ số phụ 2: The results of the teams in then same point group according to Matchpoints

Hệ số phụ 3: Number of wins including byes (WIN) (Matchpoints, Forfeited games count)

Tìm tất cả chi tiết giải đấu này theo <https://chess-results.com/tnr1498279.aspx?lan=29>

Máy chủ Chess-Tournaments-Results: Chess-Results